

Số: **3283** /QĐ-BTNMT

Hà Nội, ngày **29** tháng 10 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt dự án đầu tư “Xây dựng cơ sở vật chất Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh (giai đoạn 1)”

STAMP: **TRƯỜNG ĐẠI HỌC TP. HCM**
Số: **11/76**
Ngày: **16/11/2018**
huyện: **HT, PHCQT, P. KHIC**

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm;

Căn cứ Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ các Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2017 và số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ các Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ các Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 6539/QĐ-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc thu hồi - giao đất để đầu tư xây dựng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 3153/QĐ-BTNMT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Xây dựng cơ sở vật chất Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh (giai đoạn 1);

Căn cứ Văn bản số 229/KTXD-ĐMĐM ngày 10/10/2018 của Cục Kinh tế Xây dựng - Bộ Xây dựng về thẩm định tổng mức đầu tư dự án; Văn bản số 608/HĐXD-QLKT ngày 17/10/2018 của Cục Quản lý hoạt động xây dựng - Bộ Xây dựng về việc thông báo kết quả thẩm định dự án đầu tư “Xây dựng cơ sở vật chất Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh (giai đoạn 1)”;

Xét đề nghị của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh tại Tờ trình số 718/TTr-TĐHTPHCM ngày 18 tháng 10 năm 2018 về việc phê duyệt dự án đầu tư “Xây dựng cơ sở vật chất Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh (giai đoạn 1)”;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư “Xây dựng cơ sở vật chất Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh (giai đoạn 1)”, với các nội dung chính sau:

1. Tên dự án: Xây dựng cơ sở vật chất Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh (giai đoạn 1).

2. Chủ đầu tư: Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Tổ chức lập dự án: Công ty TNHH một thành viên Tư vấn thiết kế và đầu tư xây dựng - Bộ Quốc Phòng.

4. Chủ nhiệm lập dự án: Kiến trúc sư Trương Hồng Lĩnh.

5. Mục tiêu đầu tư xây dựng:

- Đáp ứng nhu cầu đào tạo đội ngũ cán bộ, công chức ngành, nhất là cán bộ công chức có trình độ đại học trở lên.

- Đảm bảo điều kiện cơ sở vật chất để chủ động tăng nhanh quy mô đào tạo ở các trình độ, nhất là trình độ đại học và sau đại học, nhằm đáp ứng nguồn nhân lực cho ngành và xã hội từ trung ương đến địa phương, đặc biệt là cho các tỉnh miền Nam, góp phần vào sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông thôn, thực hiện công bằng xã hội trong đào tạo.

6. Nội dung và quy mô đầu tư xây dựng:

a) Cơ sở vật chất:

- Xây mới khối nhà hiệu bộ (A1): Nhà 05 tầng, diện tích xây dựng 971 m², diện tích sàn 4.855m²;

- Xây mới khối nhà giảng đường (A2): Nhà 06 tầng, diện tích xây dựng 3.045 m², diện tích sàn 13.558m²;

- Xây mới khối lớp học – thực hành thí nghiệm (A3): Nhà 05 tầng, diện tích xây dựng 971 m², diện tích sàn 4.855m²;

- Xây mới 03 nhà bảo vệ, gồm: Cổng chính 02 nhà bảo vệ 01 tầng, diện tích sàn mỗi nhà 20 m²; Cổng phụ 01 nhà bảo vệ 01 tầng, diện tích sàn 4m²;

- Xây mới nhà đặt máy phát điện: Nhà 01 tầng, diện tích sàn 64m²;

- Nhà trạm xử lý nước thải (trạm xử lý công suất 150m³ /ngày đêm) 01 tầng, diện tích sàn 20m²;

- Các công trình hạ tầng kỹ thuật.

b) Thiết bị, công nghệ:

Đầu tư Hệ thống báo cháy, chữa cháy; Hệ thống điều hòa, thông gió; Trạm biến áp, máy phát điện dự phòng; Hệ thống cấp, thoát nước; Hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin, mạng LAN, truyền hình, camera; Hệ thống chống sét hoàn chỉnh.

7. Địa điểm xây dựng: Xã Nhơn Đức, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

8. Diện tích khu đất: Khu đất xây dựng dự án có tổng diện tích khoảng 8,08 ha. Trong đó: Đất phù hợp quy hoạch khoảng 5,81ha; đất giao thông đối ngoại mặt nước, hành lang bảo vệ kênh, rạch khoảng 2,27ha. Ranh giới khu đất giới hạn như sau:

+ Phía Bắc giáp: Đường số D1.

+ Phía Nam giáp: Dải cây xanh cách ly tuyến.

+ Phía Đông giáp: Rạch Ông Theo.

+ Phía Tây giáp: Đường D1

9. Phương án xây dựng

9.1. Phương án kiến trúc

a) Khối nhà hiệu bộ (A1): cao 05 tầng, diện tích xây dựng khoảng 971m², tổng diện tích sàn khoảng 4.855m², bố trí các viện, khoa, phòng, trung tâm và các phòng họp.

b) Khối nhà giảng đường (A2): cao 06 tầng, diện tích xây dựng khoảng 3.045 m², tổng diện tích sàn khoảng 13.558m², bố trí làm giảng đường, phòng hội thảo.

c) Khối lớp học - thực hành thí nghiệm (A3): cao 05 tầng; diện tích xây dựng khoảng 971m², tổng diện tích sàn khoảng 4.855 m², bố trí các phòng thí nghiệm, thực hành chuyên ngành và các khu phụ trợ và các phòng học, thực hành.

d) Các công trình phụ trợ:

- 02 nhà bảo vệ E1 và E2 phía cổng chính: thiết kế tương tự nhau, 01 tầng cao 3,0m, diện tích xây dựng khoảng 20m²;

- 01 nhà bảo vệ E3 phía cổng phụ: thiết kế tương tự nhau, 01 tầng cao 3,0m, diện tích xây dựng khoảng 4m²;

- Nhà đặt máy phát điện – Máy biến áp: 01 tầng cao 4,5m, diện tích xây dựng khoảng 64m²;

- Cổng chính, cổng phụ, tường rào toàn khu đất, một phần sân vườn.
- Trạm xử lý nước thải – nhà xử lý nước thải (F, F1).

9.2. Phương án kết cấu

- Khối ban giám hiệu ký hiệu A1, Khối giảng đường ký hiệu A2 và Khối lớp học - thực hành thí nghiệm ký hiệu A3: Kết cấu móng cọc BTCT ly tâm dự ứng lực kích thước D400mm, mũi cọc dự kiến đặt vào lớp cát mịn đến trung, trạng thái chặt vừa đến chặt, chiều dài dự kiến khoảng 42m, sức chịu tải dự kiến khoảng 80 tấn; đài giằng móng BTCT; phần thân hệ khung, cột, sàn dầm BTCT đổ liền khối; mái sử dụng hệ vì kèo thép hình, lợp tôn;

- Nhà bảo vệ, nhà máy đặt máy phát điện – máy biến áp, nhà xử lý nước thải: Kết cấu móng đơn BTCT trên nền gia cố cừ tràm; phần thân sử dụng kết cấu khung BTCT, mái BTCT

9.3. Hạ tầng kỹ thuật

- Phương án san nền: Cao độ san nền thiết kế $H_{\max}=+3,7\text{m}$, $H_{\min}=+3,08\text{m}$; sử dụng đất san lấp với độ đầm chặt $K=0,9$; dốc đều từ trung tâm khu đất ra cả bốn hướng;

- Hệ thống đường giao thông bao gồm hệ thống giao thông đối ngoại (đường số 01 và đường D1) và giao thông đối nội (đường NB1, NB2 và NB3) và các nút; đường đối nội gồm 03 loại: đường ô tô, đường đi bộ bê tông xi măng và đường ô tô bê tông xi măng tổng diện tích khoảng 8.902m^2 ;

- Phương án cấp điện: nguồn điện được lấy từ điện lưới trung thế hiện hữu 22Kv phía Tây Bắc khu đất, dẫn đến nhà đặt máy phát điện – trạm biến áp cấp cho các tủ điện tổng tại công trình;

- Phương án cấp nước: nguồn nước cấp cho công trình lấy từ đường ống cấp nước mạng ngoài theo quy hoạch chung gần cổng chính của dự án qua đồng hồ đo nước, cấp vào các bể chứa nước ngầm. Bố trí các trụ chữa cháy dọc một số đường nội bộ, dùng chung hệ thống cấp nước chính; Kết hợp với nguồn nước từ kênh rạch xung quanh cho hệ thống cấp nước chữa cháy;

- Phương án thoát nước: nước mưa, nước mặt được thu gom rồi dẫn ra hệ thống rãnh thu ngoài nhà, thoát vào hệ thống nước mưa dọc các tuyến đường giao thông nội bộ kết hợp với giếng thu và giếng thăm, thoát ra cửa xả số 01 phía Đông khu đất. Nước thải từ các công trình được xử lý sơ bộ tại các bể tự hoại rồi thoát ra hệ thống thoát nước thải ngoài nhà dọc các tuyến đường giao thông nội bộ kết hợp các giếng thu và giếng thăm, dẫn vào trạm xử lý nước thải;

- Các hệ thống kỹ thuật ngoài nhà của công trình gồm: hệ thống chiếu sáng, chữa cháy....

10. Nhóm dự án; Loại, cấp công trình: Nhóm B; Công trình dân dụng, cấp II

11. Phương án giải phóng mặt bằng: thực hiện theo Quyết định số 6539/QĐ-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

12. Tổng mức đầu tư của dự án: 495.348.275.000 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm chín mươi lăm tỷ, ba trăm bốn mươi tám triệu, hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng./.)

Trong đó:

- Chi phí xây dựng	212.324.941.000	đồng
- Chi phí thiết bị	22.035.925.000	đồng
- Chi phí quản lý dự án	3.793.652.000	đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	13.398.757.000	đồng
- Chi phí khác	10.207.921.000	đồng
- Chi phí đền bù giải tỏa	171.350.000.000	đồng
- Dự phòng phí	62.238.079.000	đồng
Tổng cộng	495.349.275.000	đồng

(Chi tiết tổng mức đầu tư theo Phụ lục đính kèm)

13. Nguồn vốn đầu tư:

- Ngân sách nhà nước: 300.000.000.000 đồng
- Nguồn chuyển nhượng cơ sở nhà đất của Bộ: 195.349.275.000 đồng

14. Hình thức quản lý dự án: Ban Quản lý dự án chuyên ngành.

15. Thời gian thực hiện dự án đầu tư: 2016 – 2022.

(Chi tiết Hồ sơ dự án đầu tư “Xây dựng cơ sở vật chất Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh (giai đoạn 1)” được Công ty TNHH một thành viên Tư vấn thiết kế và đầu tư xây dựng – Bộ Quốc Phòng lập, Bộ Xây dựng thẩm định kèm theo Công văn số 608/BXD-QLKT ngày 17 tháng 10 năm 2018).

Điều 2. Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức triển khai các bước tiếp theo đảm bảo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Bộ; Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính; Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 chứng thực..... Quyền số.....SCT/BS
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (đọc):..... năm 20.....
- Lưu VT, Vụ KHTC, PHg (05)

Phó Chủ tịch UBND P.1, Q. Tân Bình



Nguyễn Đình Nghị



Võ Tuấn Nhân

PHỤ LỤC: TỔNG MỨC ĐẦU TƯ

**DỰ ÁN XÂY DỰNG CƠ SỞ VẬT CHẤT TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - GIAI ĐOẠN I**

(Kèm theo Quyết định số: 5283 /QĐ-BTNMT ngày 20 /10/2018 của
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Đơn vị tính: đồng

TT	HẠNG MỤC CHI PHÍ	KÝ HIỆU	GIÁ TRỊ	GHI CHÚ
I	CHI PHÍ GPMB (HOÀN TRẢ CHI PHÍ ĐÃ ĐẦU TƯ)		171.350.000.000	
II	CHI PHÍ XÂY DỰNG	G_{XD}	212.324.941.000	
1	Khối công trình giảng đường (6 tầng)		109.322.365.000	
2	Khối công trình lớp học + phòng thí nghiệm (5 tầng)		33.691.171.000	
3	Khối công trình nhà ban giám hiệu (5 tầng)		33.691.171.000	
4	Công trình phụ trợ, hạ tầng kỹ thuật		35.620.234.000	
-	Cổng chính, nhà bảo vệ (mặt trước)		659.600.000	
-	Cổng phụ		135.960.000	
-	Nhà để máy phát điện + biến áp		255.360.000	
-	San nền toàn bộ khu đất		9.033.300.000	
-	Sân đường ô tô cấp phối		5.863.000.000	
-	Sân đường đi bộ BTXM		1.123.200.000	
-	Sân đường bê tông ô tô		1.969.000.000	
-	Cây xanh thảm cỏ		500.000.000	
-	Hệ thống điện ngoài nhà		6.638.541.000	
-	Hệ thống cấp nước		279.518.000	
-	Hệ thống thoát nước, PCCC		3.880.305.000	
-	Tường rào		782.450.000	
-	Chi phí phòng chống mối		1.000.000.000	
-	Hệ thống xử lý nước thải		3.500.000.000	
III	CHI PHÍ THIẾT BỊ	G_{TB}	22.035.925.000	
1	Khối nhà ≤ 5 tầng (thiết bị điều hòa, máy bơm nước, PCCC, trang thiết bị văn phòng, thiết bị thí nghiệm...)		8.836.100.000	
2	Khối nhà 6 tầng (gồm thiết bị điều hòa, máy bơm, PCCC, thiết bị văn phòng...)		10.168.500.000	
3	Máy biến áp 1250 KVA (THIDIBI)		531.325.000	
4	Máy phát điện 1000 KVA (FADI)		2.500.000.000	
IV	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	G_{QLDA}	3.793.652.000	

TT	HẠNG MỤC CHI PHÍ	KÝ HIỆU	GIÁ TRỊ	GHI CHÚ
V	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG	G_{TV}	13.398.756.000	
1	Chi phí khảo sát xây dựng		1.870.000.000	
2	Chi phí lập quy hoạch tỷ lệ 1/500		108.500.000	
3	Chi phí lập báo cáo nghiên cứu khả thi		930.402.000	
4	Chi phí thiết kế BVTC		5.493.787.000	
5	Chi phí thẩm tra thiết kế xây dựng		234.496.000	
6	Chi phí thẩm tra dự toán xây dựng		228.126.000	
7	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT dự thầu xây dựng		172.873.000	
8	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT thiết bị		76.205.000	
9	Chi phí giám sát thi công xây dựng		3.326.839.000	
10	Chi phí giám sát lắp đặt thiết bị		157.528.000	
11	Chi phí tư vấn khác (lập HSMT, đánh giá HSDT tư vấn, giám sát công tác khảo sát, thí nghiệm nén tĩnh, chi phí thẩm định giá, chi phí kiểm định chất lượng...)		800.000.000	
VI	CHI PHÍ KHÁC	G_K	10.207.922.000	
I	Chi phí khác tính theo tỷ lệ %		2.646.549.000	
1	Phí thẩm định thiết kế		38.447.000	
2	Phí thẩm định dự án đầu tư		37.331.000	
3	Phí thẩm định dự toán		36.751.000	
4	Phí bảo hiểm xây dựng		169.860.000	
5	Chi phí kiểm toán		1.786.641.000	
6	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán		561.516.000	
7	Phí thẩm duyệt về PCCC		16.003.000	
II	Chi phí hạng mục chung		7.431.373.000	
1	Chi phí nhà tạm tại hiện trường để ở và điều hành thi công		2.123.249.000	
2	Chi phí hạng mục chung không xác định được từ thiết kế		5.308.124.000	
III	Chi phí khác		130.000.000	
1	Lệ phí thẩm định quy hoạch và phương án kiến trúc		30.000.000	
2	Chi phí khác chưa tính hết		100.000.000	
VII	CHI PHÍ DỰ PHÒNG	G_{DP}	62.238.079.000	
1	Dự phòng cho khối lượng công việc phát sinh	G _{DP1}	43.311.120.000	10%
2	Dự phòng cho yếu tố trượt giá	G _{DP2}	18.926.959.000	4,37%
	TỔNG CỘNG	TMĐT	495.349.275.000	

Bảng chữ: Bốn trăm chín mươi lăm tỷ, ba trăm bốn mươi chín triệu, hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng./